TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 17-01-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Son

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TN xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số 54/2019/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân huyện BC, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2019/QĐ-PT, ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thúy K, sinh năm 1992; Cư trú: Số 1080, khu phố 3, thị trấn BC, huyện BC, tỉnh TN; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Hoài H, sinh năm 1989; Cư trú: Ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh TN; có mặt.

Do có đơn kháng cáo của chị Phạm Thúy K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thúy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hoài H chung sống năm 2015 có đăng ký hôn năm 2015 tại UBND thị trấn BC, huyện BC, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh

phúc đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề quản lý tiền bạc. Đến tháng 12/2018, vợ chồng xỷ ra gây gỗ, anh H dùng chân đá vào đùi chị K 06 cái nên chị K giận bỏ về nhà mẹ ruột sống. Sau đó anh H và gia đình anh H có đến hòa giải và năn nỉ chị K quay về nhưng không thành. Đến tháng 6/2019, chị K nộp đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết ly hôn. Quá trình hòa giải chị K rút đơn để vợ chồng có thời gian hòa giải, hàn gắn, tuy nhiên từ đó đến nay mặc dù anh H có hòa giải nhiều lần nhưng chị K thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị K yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H chung sống có một con chung tên Phạm Quang Vinh, sinh ngày 28/02/2018 hiện tại con chung đang sống với chị K, khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị K và anh H có tài sản chung là số tiền 50.000.000 đồng và 43.000.000 đồng (trong đó có phần hùn của mẹ ruột anh H để mua bò nuôi), hiện tại chị K quản lý số tiền 50.000.000 đồng, còn anh H đang quản lý số tiền hùn mua bò 43.000.000 đồng, khi ly hôn chị K và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K cam kết không nợ ai.

Bị đơn - anh Phạm Hoài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị K trình bày. Sau khi kết hôn, anh H và chị K sống chung với mẹ ruột anh H tại ấp LT, xã LG, huyện BC, tỉnh TN. Vợ chồng sống rất hạnh phúc cho đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh H và chị K có tích lũy đươc số tiền 50.000.000 đồng nên có đem cho người khác vay để lấy lãi trang trải thêm cho cuộc sống gia đình. Khi cho vay có lập hợp đồng, anh H, chị K cùng đứng tên là người cho vay, hợp đồng do chị K giữ. Tuy nhiên, sau đó chị K giặt quần áo thì hợp đồng bị ướt và rách nát, vợ chồng có gây gỗ vì anh H sợ rằng người vay không trả sẽ không có chứng cứ để đòi nợ. Vài hôm sau anh H phát hiện, hợp đồng cho vay được lập lại nhưng người đứng tên cho vay không phải anh H, chị K mà là mẹ ruột chị K nên vợ chồng tiếp tục gây gỗ, cộng với việc mẹ ruột anh H bị bệnh nên trong lúc nóng giận anh H không kiểm soát được hành vi có dùng chân đá vào đùi chị K 06 cái. Sau khi sự việc xảy ra, chị K bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh H thấy hành vi đã thực hiện là sai nên rất hối H. Anh H cùng với mẹ ruột và người thân trog gia đình đã nhiều lần đến nhà mẹ chị K gặp để hòa giải hàn gắn nhưng chị K không chấp nH. Đến tháng 6/2019, chị K làm đơn yêu cầu ly hôn, qua hòa giải chị K rút đơn để hàn gắn, anh H đã nhiều lần gặp chị K để hòa giải nhưng chị K không chấp nH. Đến tháng 9/2019 chị K tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cả hai, nhưng việc anh H đánh chị K là sai, anh H mong muốn được hòa giải, hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và lo cho con chung. Do đó, anh H không chấp nH yêu cầu ly hôn của chị K

Về con chung: Anh và Chị K chung sống có một con chung tên Phạm Quang Vinh, sinh ngày 28/02/2018 hiện tại con chung đang sống với chị K. Nếu Tòa cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, nếu chị K không nuôi con thì giao lại anh H nuôi, anh H không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H và chị K có tài sản chung là số tiền 50.000.000 đồng và 43.000.000 đồng (trong đó có phần hùn của mẹ ruột anh H để mua bò nuôi), hiện tại chị K quản lý số tiền 50.000.000 đồng, cón anh H đang quản lý số tiền hùn mua bò 43.000.000 đồng. Nếu Tòa án cho ly hôn anh H đồng ý cho chị K giữ 50.000.000 đồng để nuôi con, còn số tiền hùn vốn mua bò không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung anh H và chị K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H cam kết vợ chồng không nợ ai.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN đã tuyên xử:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nH yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thúy K đối với anh Phạm Hoài H.

Ngoài ra, Tòa án cấp Sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/11/2019, chị Phạm Thúy K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho chị được ly hôn với anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị K yêu cầu được ly hôn; Anh H yêu cầu được đoàn tụ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nH kháng cáo của chị Phạm Thúy K. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48 ngày 18/11/2019 của TAND huyện BC, tỉnh TN.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Chị K và anh H kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn BC, huyện BC, tỉnh TN cấp giấy chứng nH kết hôn số 47 ngày 24-9-2015 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nH và bảo vệ.

[2] Xét kháng cáo của chị K thấy rằng: Qua các tài liệu chứng cứ thu thập tại cấp sơ thẩm, chị K và anh H sau khi kết hôn anh chị sống chung với mẹ ruột anh H, anh chị sống hạnh phúc, từ năm 2015 đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị K làm rách hợp đồng vay tiền nên giữa chị K và anh H mới cải nhau, sau đó chị K lại làm hợp đồng vay tiền khác nhưng để mẹ ruột chị K đứng tên,

trong khi đó đây là số tiền chung của vợ chồng mà chị K không thông báo cho anh H biết là chị K chưa thực hiện đảm bảo theo nguyên tắc chung về chế độ tài sản chung vợ chồng theo Điều 29 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] căn cứ nội dung biên bản xác minh chính quyền địa phương thể hiện anh H hiền lành, không uống rượu, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc (bút lục 28). Chị K cũng thừa nH từ khi chị K về nhà mẹ ruột sống, anh H cùng gia đình nhiều lần đến gặp chị K để hòa giải, hàn gắn và anh H đưa ra biện pháp khắc phục để vợ chồng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng, chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy bảo con chung nên người (bút lục 39). Trong thời gian chung sống chị K và anh H sống chung rất hạnh phúc, không gây gỗ, không bất đồng ý kiến, chỉ có việc mâu thuẫn nhỏ trong cách quản lý tiền bạc nên anh, chị có cải nhau, nhưng chưa đến mức trầm trọng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nH yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN không chấp nH kháng cáo của chị Phạm Thúy K là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nH kháng cáo của chị Phạm Thúy K, chấp nH đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

Do không chấp nH yêu cầu kháng cáo ly hôn của Phạm Thúy K nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung của chị K và anh H.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Chị K không được chấp nH nên chị K phải chịu tiền án phí Phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nH yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thúy K. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 48/2019/HNGĐ-ST ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BC, tỉnh TN.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nH yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thúy K đối với anh Phạm Hoài H.

Do không chấp nH yêu cầu kháng cáo ly hôn của Phạm Thúy K nên không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung của chị K và anh H.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị K đã

nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0022191 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC, tỉnh TN. Chị K đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Hoài H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2.2 Án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị K đã nộp theo biên lai thu số 0022210 ngày 18/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BC. Ghi nH đã nộp xong.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Son Trương Thị Tuyền **Phạm Thị Hồng Vân**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Son **Lâm Văn Be** **Phạm Thị Hồng Vân**